

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **100/2025/HS-PT**

Ngày: 28/02/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ký

Các Thẩm phán: Ông Ngô Thanh Sỹ

Bà Vũ Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Ngọc Châu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Tổng Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 469/2024/TLPT-HS ngày 25 tháng 11 năm 2024, đối với bị cáo Nguyễn Hữu R do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 177/2024/HS - ST ngày 26/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Hữu R, sinh năm 1980 tại Nghệ An; Tên gọi khác: Không; Nơi thường trú: Ấp TH, xã X1, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: Khu phố LĐ 3, phường TP, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Họ tên cha: Nguyễn Hữu D1 (đã chết); Họ tên mẹ: Phan Thị Q, sinh năm 1953; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ 3; Vợ là Lê Tiểu M1, sinh năm 1990 (đã ly hôn). Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2008; nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án: Ngày 09/8/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Bản án số 451/2016/HS-ST (ngày 01/8/2023 mới đóng án phí hình sự và bồi thường thiệt hại). Tiền sự:

Không; Nhân thân: Ngày 18/01/2005, bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản” theo bản án số 08/2005/HS-ST - Bị cáo có mặt.

Ngoài ra còn có bị cáo Nguyễn Tài H, bị hại Công ty TNHH NNĐN – W không có kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/4/2013 Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Tổng công ty CNTPDN-D đối với thửa đất số 41, tờ bản đồ số 7, thuộc xã TA và thửa đất số 656, tờ bản đồ số 41 thuộc xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Đến ngày 07/07/2017, Công ty D bàn giao các thửa đất nêu trên cùng tài sản trên đất cho Công ty TNHH NNĐN – W. Khi bàn giao trên các thửa đất này có trồng cây tràm và cây xà cừ đang chờ thu hoạch. Trong thời gian từ ngày 15/11/2022 đến ngày 30/12/2022, Nguyễn Hữu R và Nguyễn Tài H bàn bạc với nhau gọi người đến cưa và bán các cây tràm, xà cừ trên đất của Công ty W. Cụ thể như sau:

Ngày 15/11/2022, R gặp và dẫn 03 người thanh niên (chưa rõ tên, tuổi địa chỉ) đến các thửa đất nêu trên để thỏa thuận việc bán cây tràm và cây xà cừ. Sau khi xem cây xong thì 03 người này đồng ý mua với giá 4.800.000 đồng. Đến sáng ngày 16/11/2022, H và R dẫn những người mua cây vào các thửa đất của Công ty W để cưa cây. Đến khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày, nhóm người mua cây của H và R đang cưa cây thì bị bảo vệ của Công ty W là anh Trần Trọng T, sinh năm 1976, trú tại phường TP, thành phố B và anh Huỳnh Thanh T1, sinh năm 1974, trú tại xã PhM, huyện MCB, tỉnh Bến Tre phát hiện và yêu cầu nhóm của H dừng việc cưa cây. Sau đó, anh T gọi điện báo cho anh Phạm Mạnh H1, sinh năm 1981, trú tại xã Tr1, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai là phụ trách an ninh và anh Nguyễn Thái D, sinh năm 1983, trú tại xã Ph1, huyện L là phụ trách bảo trì máy móc của công ty W biết sự việc và lập biên bản tạm giữ máy cưa của của các đối tượng. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, R và H đến văn phòng công ty W yêu cầu trả lại máy cưa và nói cây này do R và H tự trồng nên anh T gọi điện báo sự việc cho anh Phạm Mạnh H1. Do sợ nhân viên bảo vệ công ty bị tấn công gây mất tình hình an ninh trật tự nên anh H1 đã chỉ đạo cho anh T trả lại máy cưa đã tạm giữ cho R và H. Sau khi nhận được cưa R và H tạm dừng không cưa nữa và ra về.

Từ ngày 17/11/2022 đến ngày 30/12/2022, R và H tiếp tục thuê người đến cưa cây và đào mức gốc cây thuộc sở hữu của công ty W. Anh T và anh T1 phát hiện và có báo cho anh Phạm Mạnh H1 về sự việc trên, sau đó theo chỉ đạo của Công ty thì anh T và anh T1 thường xuyên có mặt tại khu vực hiện trường nắm tình hình, tuy nhiên anh T và anh T1 chỉ đứng phía xa theo dõi không có lời nói hành động để ngăn cản những người này dừng việc cưa cây.

Số lượng cây mà R và H đã chiếm đoạt của Công ty gồm: 01 cây xà cừ đường kính gốc 24cm, 01 cây xà cừ đường kính gốc 57cm, 01 cây xà cừ đường kính gốc 63cm, 02 cây xà cừ đường kính gốc 44cm, 01 cây xà cừ đường kính gốc 27cm, 01 cây xà cừ đường kính gốc 40cm, 01 cây xà cừ đường kính gốc 22cm, 18 cây tràm lai đường kính gốc trung bình 19cm, 34 cây tràm lai đường kính gốc trung bình 16cm, 17 cây tràm lai đường kính gốc trung bình 25cm, 08 cây tràm lai đường kính gốc lần lượt là: 36cm, 23cm, 32cm, 18cm, 19cm, 26cm, 28cm, 11cm, 66 gốc cây tràm lai đường kính gốc trung bình 10cm. R đã nhận số tiền bán cây là 4.800.000 đồng, chia cho H 2.800.000 đồng.

Đến ngày 03/01/2023, Công ty TNHH NNĐN – W làm đơn tố cáo hành vi của R và H gửi đến Công an xã TA. Công an xã TA lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Tại kết luận định giá tài sản số 224/KL-HĐĐGTS ngày 31/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Long Thành kết luận: 01 cây xà cừ đường kính gốc 24cm trị giá 410.000 đồng; 01 cây xà cừ đường kính gốc 57cm trị giá 2.100.000 đồng; 01 cây xà cừ đường kính gốc 63cm trị giá 2.500.000 đồng; 02 cây xà cừ đường kính gốc 44cm trị giá 2.100.000 đồng; 01 cây xà cừ đường kính gốc 27cm trị giá 550.000 đồng; 01 cây xà cừ đường kính gốc 40cm trị giá 950.000 đồng; 01 cây xà cừ đường kính gốc 22cm trị giá 350.000 đồng; 18 cây tràm lai đường kính gốc trung bình 19cm trị giá 1.200.000 đồng; 34 cây tràm lai đường kính gốc trung bình 16cm trị giá 2.040.000 đồng; 17 cây tràm lai đường kính gốc trung bình 25cm trị giá 1.870.000 đồng; 08 cây tràm lai đường kính gốc lần lượt là: 36cm, 23cm, 32cm, 18cm, 19cm, 26cm, 28cm, 11cm trị giá 800.000 đồng; 66 gốc cây tràm lai đường kính gốc trung bình 10cm trị giá 1.980.000 đồng Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 16.910.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 177/2024/HS-ST ngày 26 tháng 07 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s

khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu R 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Nguyễn Tài H 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30/7/2024, bị cáo Nguyễn Hữu R kháng cáo lý do: Phiên tòa sơ thẩm còn một số nội dung chưa thỏa đáng, bị cáo là người được bị cáo H nhờ tìm người trồng và mua cây còn bị cáo không phải là người tham gia trực tiếp; Bị cáo đã ly hôn và nuôi con nhỏ, bị cáo đã khắc phục hậu quả. Bị cáo xin được hưởng án treo để ở nhà chăm sóc cho con.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai các bị cáo khác cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Hữu R 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật. Các tình tiết giảm nhẹ bị cáo trình bày tại phiên tòa phúc thẩm đã được cấp sơ thẩm xem xét. Tại cấp phúc thẩm và bị cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hữu R thừa nhận toàn bộ cây trà, cây xà cừ có đường kính gốc từ 10cm đến 63cm được trồng tại thửa đất số 41 tờ bản đồ số 7 thuộc xã TA và thửa đất số 656 tờ bản đồ số 41 xã TA, huyện L không thuộc quyền sở hữu của mình nhưng bị cáo và Nguyễn Tài H đã lén lút với chủ sở hữu, thuê người mang công cụ, phương tiện đến thửa đất trên cưa cây, đào gốc bán lấy tiền tiêu xài. Tổng số cây các bị cáo trộm cắp thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH NNĐN – W có giá trị định giá là 16.910.000đ. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo R 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là phù hợp và có căn cứ pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo R trình bày, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan. Tuy nhiên, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét bị cáo không được hưởng số tiền thu lợi bất chính, bị cáo phạm tội do bị rủ rê; vợ chồng ly hôn nhưng vợ giao con nhỏ cho bị cáo nuôi dưỡng, bị cáo xin được hưởng án treo để có điều kiện nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có tiền án chưa được xóa án tích nay lại phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ cấp sơ thẩm đã xem xét, bị cáo có tiền án, nhân thân xấu nên không thuộc trường hợp được hưởng án treo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới để hội đồng xét xử xem xét nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

[3] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu R, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 177/2024/HS - ST ngày 26/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu R 10 (mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành hình phạt tù.

2. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Hữu R phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân H. Long Thành;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Long Thành;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Thi hành án hình sự H. Long Thành;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra H. Long Thành;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Long Thành;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Ký